

Số: 12983 /BGTVT-KHĐT

Hà nội, ngày 28 tháng 11 năm 2024

V/v phân khai chi tiết điều chỉnh kế hoạch vốn NSNN năm 2024, Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I)

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1767/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT số 138/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2017, số 1040/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2019, số 678/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2024 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I);

Căn cứ Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND huyện Bắc Trà My về việc chấp thuận điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC để GPMB công trình: Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I); Hạng mục: Cầu Sông Trường và Cầu Nước Oa; Địa điểm: huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 4233/QĐ-CT-UBND ngày 12/7/2024 của UBND thành phố Nha Trang về việc phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I); Hạng mục: Cầu Xóm Bống, thành phố Nha Trang;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Đuan Hùng số 1972/QĐ-UBND ngày 25/4/2023; số 1891/QĐ-UBND ngày 21/4/2023; số 1892/QĐ-UBND ngày 21/4/2023; 3570/QĐ-UBND ngày 26/7/2023; số 3224/QĐ-UBND ngày 05/7/2023; số 3568/QĐ-UBND ngày 26/7/2023; số 5070/QĐ-UBND ngày 23/10/2023; số 1473/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I); Hạng mục: Cầu Đuan Hùng;

Căn cứ văn bản số 861/BGTVT-KHĐT ngày 23/01/2024 của Bộ GTVT về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn NSNN năm 2024, Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I);

Theo đề nghị của Ban QLDA 2 tại văn bản số 2316/BQLDA2-KHTH ngày 27/11/2024 về việc phân khai chi tiết điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách

nhà nước năm 2024, Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ - giai đoạn I.

Để có cơ sở giải ngân, Bộ GTVT đề nghị Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước phân bổ kế hoạch chi tiết vốn ngân sách nhà nước năm 2024 của dự án nêu trên như biểu chi tiết kèm theo văn bản này.

Kính đề nghị Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước quan tâm, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Lâm (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Vụ đầu tư - Bộ Tài chính;
- Sở giao dịch KBNN;
- KBNN huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định;
- KBNN tỉnh Ninh Bình;
- KBNN huyện Đoan Hùng - tỉnh Phú Thọ;
- KBNN huyện Bắc Trà My - tỉnh Quảng Nam;
- KBNN tỉnh Khánh Hòa;
- KBNN huyện Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên;
- KBNN huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội;
- Ban QLDA 2;
- Lưu VT, KHĐT(3)<sub>LIEMTT</sub>.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KHĐT  
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Nguyễn Anh Dũng**

**PHÂN KHAI CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

**Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I)**  
 (Kế hoạch đầu tư số 12983 /BGTVT-KHĐT ngày 28 / 11 /2024 của Bộ GTVT)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Ban QLDA	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư dự án				Phân khai chi tiết điều chỉnh kế hoạch vốn NSNN năm 2024			Ghi chú	
										Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2023	Trong đó:			
											Tổng số	Vốn đối ứng NSNN	Vốn nước ngoài		Đã phân khai tại văn bản số 861/BGTVT-KHĐT ngày 23/01/2024	Phân khai chi tiết điều chỉnh		Tăng (+); Giảm (-)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=17-16	19
	Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I)	Bộ GTVT	07 tỉnh, thành phố	7649745	Ban QLDA 2		292	06 cầu đường Bộ cấp II, cấp III	2020-2025	Số 138/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2017; số 1040/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2019; số 678/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2024	1.498.381	352.861	1.145.520	686.851	191.293	191.293	-	
<b>I</b>	<b>Vốn nước ngoài</b>										<b>1.145.520</b>	<b>352.861</b>	<b>1.145.520</b>	<b>560.179</b>	<b>155.556</b>	<b>155.556</b>	<b>-</b>	
1	Chi phí xây dựng					Sở giao dịch KBNN TW (0003)					774.533		774.533	481.896	145.836	142.221	-3.615	
2	Chi phí tư vấn										91.853		91.853	77.743	9.116	12.731	3.615	
3	Chi phí khác										100.141		100.141	0	0	0	0	
4	Phí dịch vụ										1.144		1.144	540	604	604	0	
5	Chi phí dự phòng										177.849		177.849	0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Vốn đối ứng</b>										<b>352.861</b>	<b>352.861</b>		<b>126.672</b>	<b>35.737</b>	<b>35.737</b>	<b>0</b>	
1	Chi phí xây lắp (thuế VAT)					Sở giao dịch KBNN TW (0003)					77.453	77.453		36.681	15.308	14.958	-350	
2	Chi phí tư vấn										13.663	13.663		8.351	2.252	1.996	-256	
2.1	Chi phí tư vấn										4.071	4.071		1.722	1.431	935	-496	
2.2	Thuế VAT										9.592	9.592		6.629	821	1.061	240	
3	Chi phí QLDA										10.272	10.272		8.000	2.172	2.172	0	
4	Chi phí khác										28.223	28.223		2.322	1.380	201	-1.179	
4.1	Chi phí khác										17.937	17.937		2.322	1.380	201	-1.179	
4.2	Thuế VAT										10.286	10.286		0	0	0	0	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Ban QLDA	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư dự án			Đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2023	Phân khai chi tiết điều chỉnh kế hoạch vốn NSNN năm 2024			Ghi chú	
										Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư			Trong đó:				
											Tổng số	Vốn đối ứng NSNN		Vốn nước ngoài	Đã phân khai tại văn bản số 861/BGTVT-KHĐT ngày 23/01/2024	Phân khai chi tiết điều chỉnh		Tăng (+); Giảm (-)
5	Chi phí GPMB										202.885	202.885		71.318	14.625	16.410	1.785	
5.1	Tỉnh Nam Định					KBNN huyện Ý Yên (0266)					9.900	9.900		9.543	300	300	0	
5.2	Tỉnh Ninh Bình					KBNN tỉnh Ninh Bình (1311)					27.276	27.276		12.871	1.500	433	-1.067	
5.3	Tỉnh Phú Thọ					KBNN huyện Đoan Hùng (1265)					24.421	24.421		11.879	3.225	2.633	-592	
5.4	Tỉnh Quảng Nam					KBNN huyện Bắc Trà My (1969)					11.984	11.984		11.620	200	200	0	Giá trị lấy theo Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND huyện Bắc Trà My
5.5	Tỉnh Khánh Hòa					KBNN tỉnh Khánh Hòa (2061)					78.282	78.282		17.422	5.000	4.438	-562	Điều chỉnh bố trí theo Quyết định phê duyệt quyết toán số 4233/QĐ-CT-UBND ngày 12/7/2024 của UBND thành phố Nha Trang
5.6	Tỉnh Thái Nguyên					KBNN huyện Phổ Yên (2263)					19.294	19.294		4.848	400	400	0	
5.7	Thành phố Hà Nội					KBNN huyện Sóc Sơn (0019)					31.728	31.728		3.135	4.000	8.006	4.006	
6	Chi phí dự phòng										20.365	20.365		0	0	0	0	